

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2024

V/v: “*Tranh chấp về xác định
cha cho con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông
Ông Huỳnh Đức Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2024 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp 11, xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T, chị T1, anh T2 vắng mặt; anh chị có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn anh T trình bày:

Anh và chị T1 có quan hệ tình cảm với nhau từ trước năm 2023, chị T1 có thai, khi đó chị T1 và anh T2 vẫn là vợ chồng. Đến ngày 24/3/2023, chị T1 và anh T2 ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự số 43/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Đến ngày 05/5/2023 anh và chị T1 đăng ký kết hôn. Đến ngày 10/6/2023, chị T1 sinh được một bé trai, ngày 16/06/2023 gia đình đăng ký khai sinh cho bé tên là N. Theo

quy định trong giấy khai sinh xác định cha bé là anh Nguyễn Văn T2. Anh và bé Nghĩa đã làm xét nghiệm ADN, kết quả xác định anh và bé Nghĩa có cùng quan hệ huyết thống cha – con. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định anh là cha của bé N, sinh ngày 10/6/2023 và xác định anh Nguyễn Văn T2 không phải là cha của bé N, sinh ngày 10/6/2023. Con hiện do anh và chị T1 đang nuôi dưỡng nên anh không có tranh chấp về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do bận đi làm xa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, bị đơn chị T1 trình bày:

Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Chị và anh T2 ly hôn vào ngày 24/3/2023 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Trước khi ly hôn với anh T2, chị và anh T có quan hệ tình cảm với nhau và có một con chung được đặt tên là N, sinh ngày 10/6/2023. Do quy định nên khi khai sinh cho bé phải ghi tên cha là anh T2. Để gia đình cải chính lại hộ tịch cho bé nên chị cũng đồng ý xác định anh T là cha của bé Nghĩa chứ không phải anh T2. Bé Nghĩa hiện do chị và anh T nuôi dưỡng nên chị cũng không có tranh chấp về người nuôi con và cấp dưỡng. Do đi làm xa không có điều kiện đi đến Tòa nhiều lần nên chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Theo bản tự khai, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T2 trình bày:

Anh và chị T1 kết hôn vào năm 2013, trong thời gian chung sống không hợp nhau nên anh chị đã ly thân từ năm 2019, mỗi người sống một nơi. Đến năm 2023 chị T1 đã có con riêng là bé N, sinh ngày 10/6/2023. Khi làm giấy khi sinh cho bé Nghĩa, chị T1 đã nhờ anh đứng tên cha của đứa bé với lý do anh và chị T1 mới ly hôn. Anh xác định bé Nghĩa không phải là con của anh và chị T1. Nay anh T yêu cầu xác định anh T là cha của bé Nghĩa anh đồng ý và không có tranh chấp gì. Do bận công việc đi làm xa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

Chị T1 và anh T2 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự số 43/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Bé N được chị T1 sinh ngày 10/6/2023. Chị T1 có thai bé Nghĩa trong

thời kỳ hôn nhân với anh T2. Tuy nhiên, chị T1 và anh T2 đều xác định anh chị đã ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2019 đến nay. Anh T2 xác định cháu Nghĩa không phải là con chung của anh với chị T1.

Anh T và chị T1 đều thừa nhận có quan hệ tình cảm với nhau từ trước năm 2023 và có 01 con chung là bé N, sinh ngày 10/6/2023. Bé được đăng ký khai sinh vào ngày 16/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành. Do chị T1 có thai trong thời kỳ hôn nhân với anh T2 nên khi làm giấy khai sinh cho bé Nghĩa, cha được xác định là anh T2. Anh T2 đề nghị Tòa án xác định anh là cha của bé Nghĩa. Lời khai của anh chị phù hợp với kết quả giám định ADN của Công ty TNHH Một thành viên thương mại và dịch vụ DNA TESTINHS ngày 22/02/2024 kết luận anh T với bé N cùng huyết thống cha con với độ tin cậy trên 99, 9999%.

Từ những cơ sở trên, xét yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở chấp nhận. Các đương sự không tranh chấp về người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự được miễn nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, 88, 89, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

- Xác định anh T là cha của bé N, sinh ngày 10/6/2023 (Giấy khai sinh số 62 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/6/2023).

- Xác định anh Nguyễn Văn T2 không phải là cha của cháu N, sinh ngày 10/6/2023 (Giấy khai sinh số 62 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/6/2023).

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để cải chính hồ tịch cho bé N, sinh ngày 10/6/2023 theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Các đương sự được miễn nộp án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Thành;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngoan